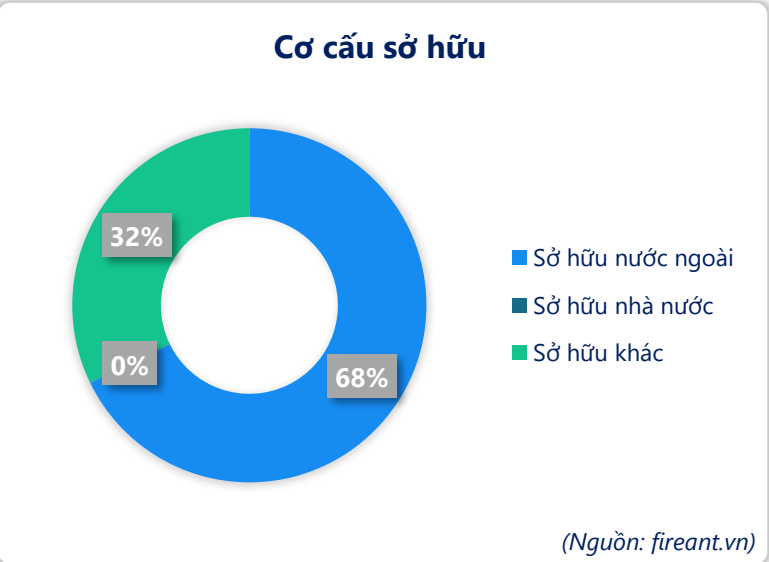
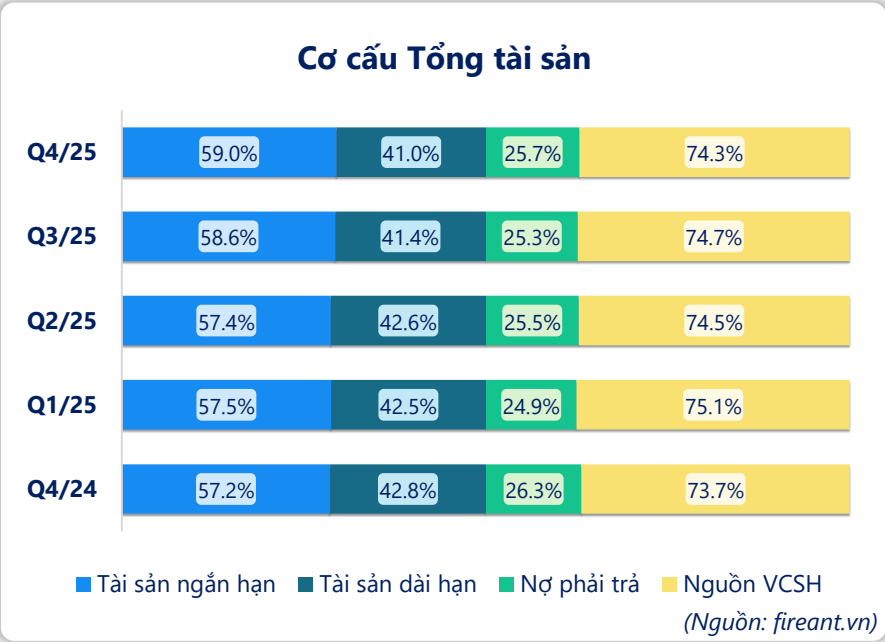
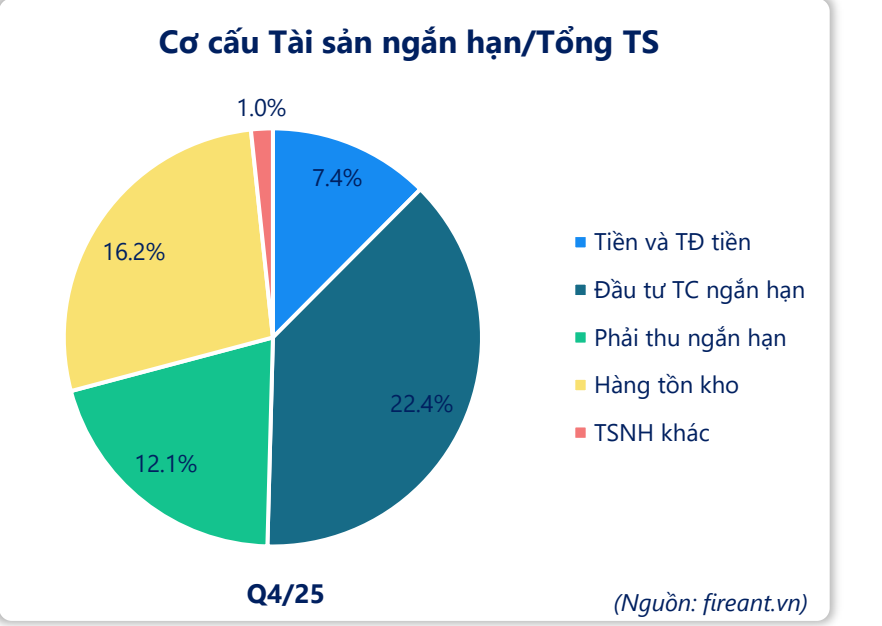
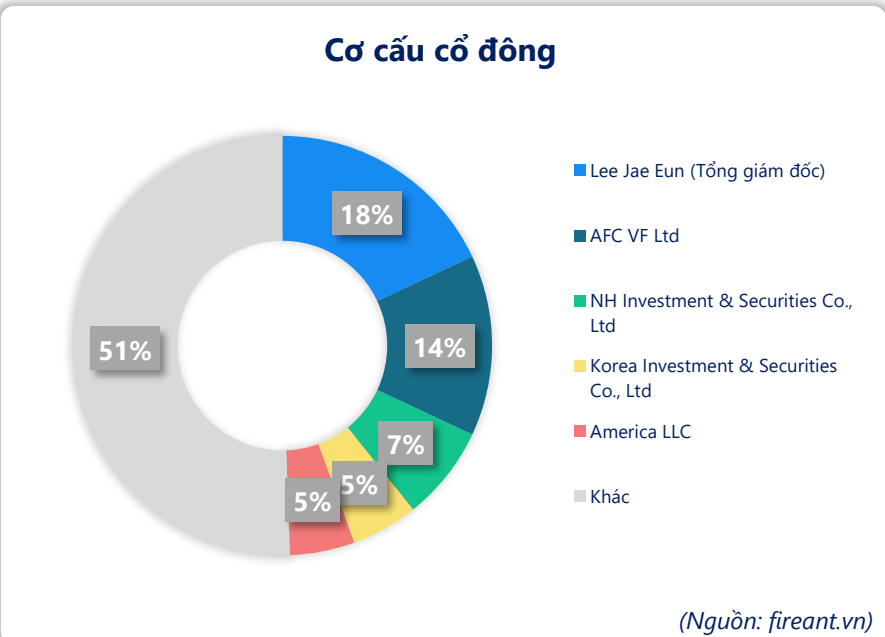
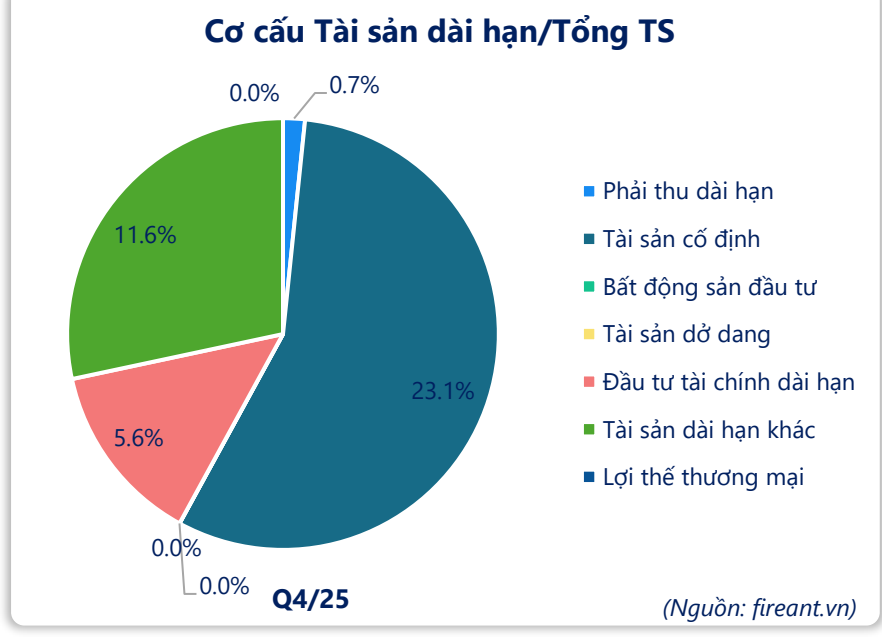
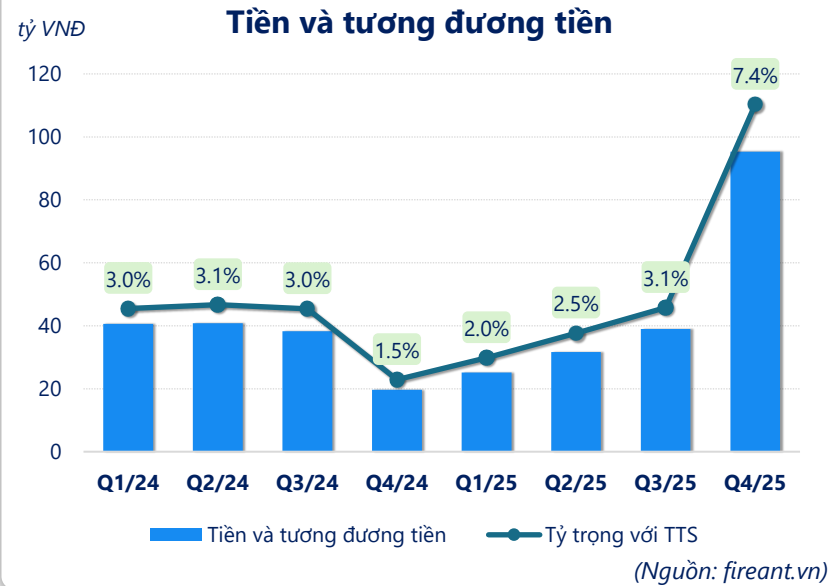
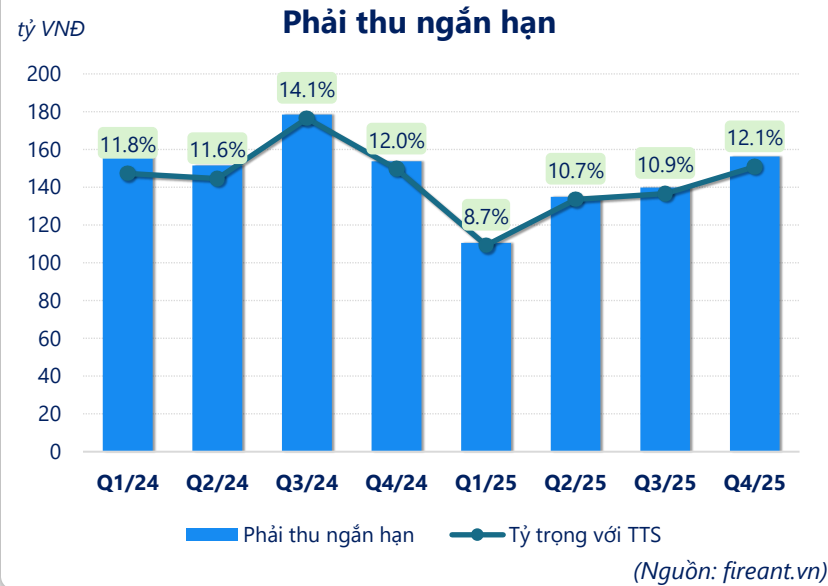
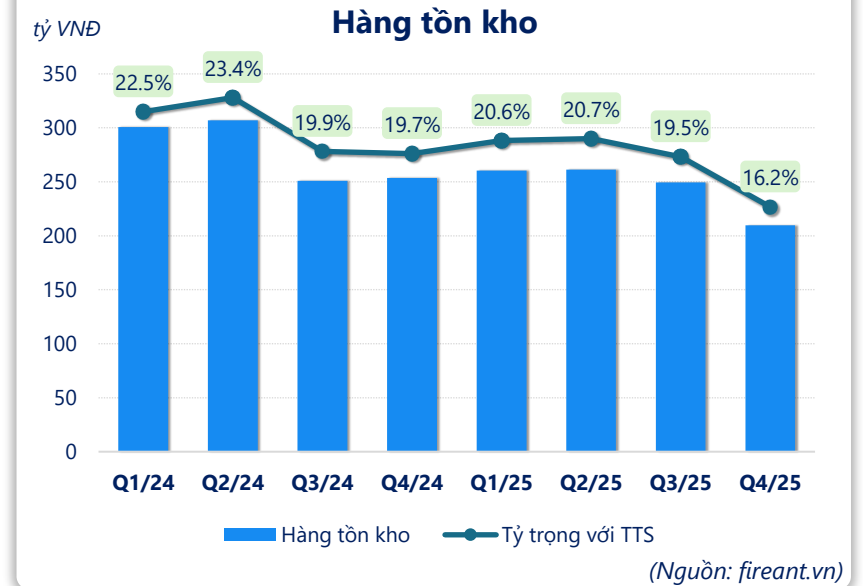
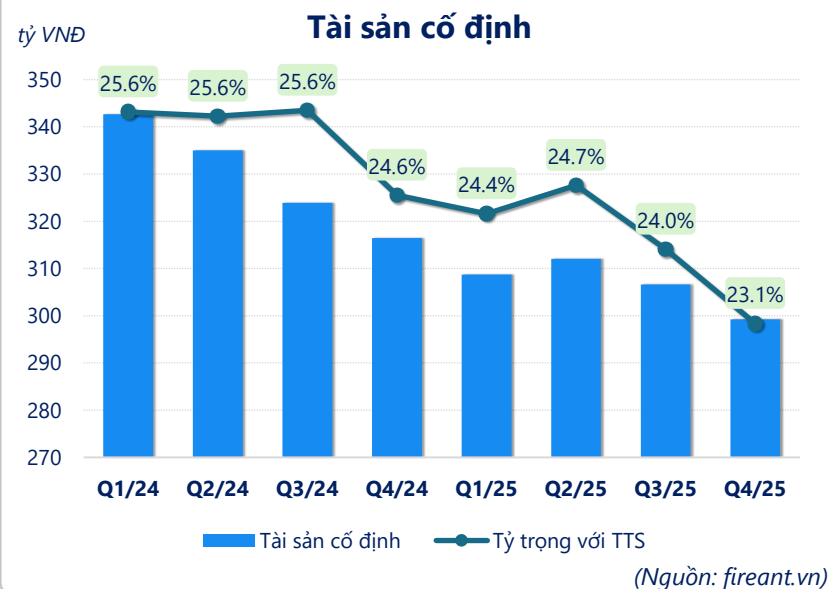
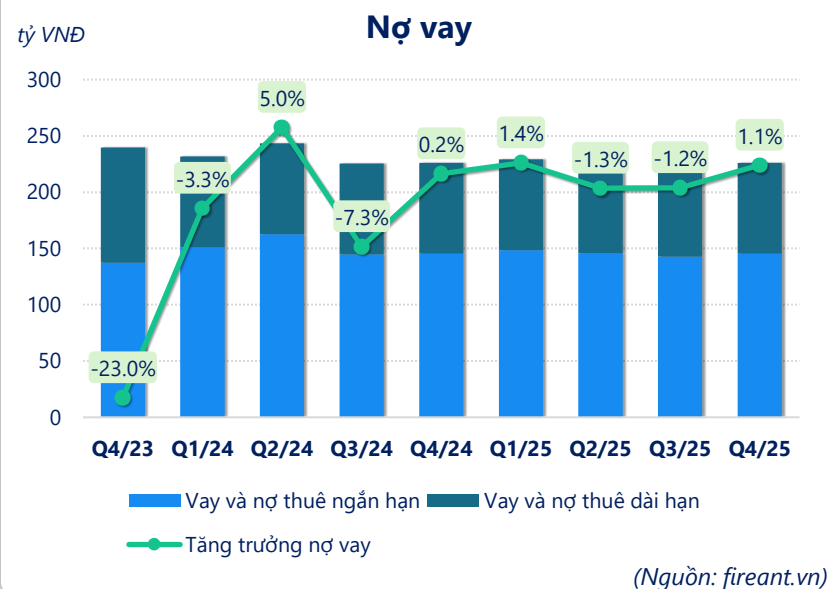
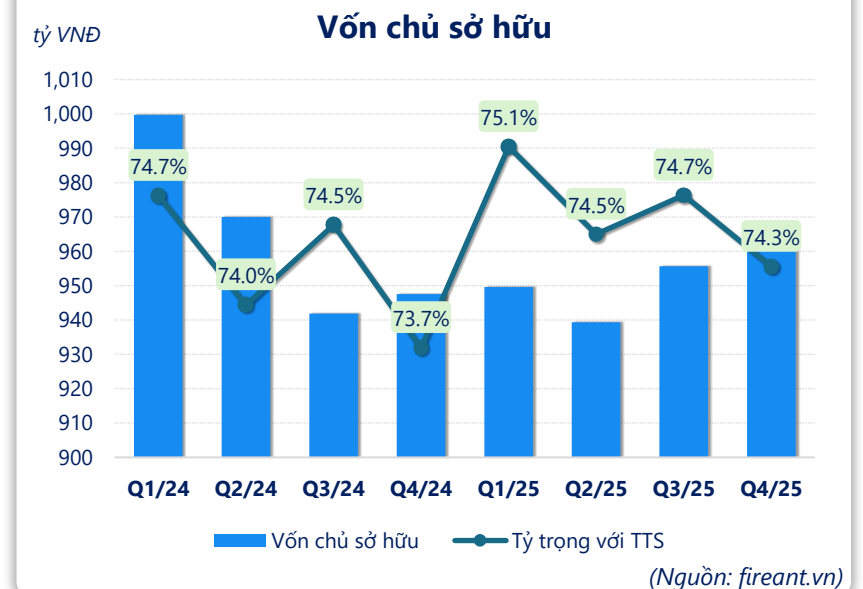
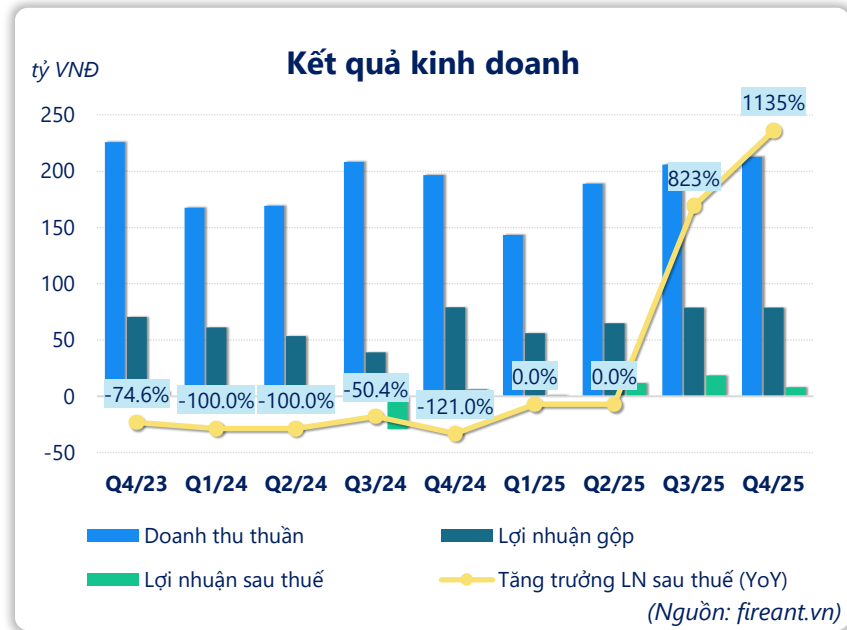
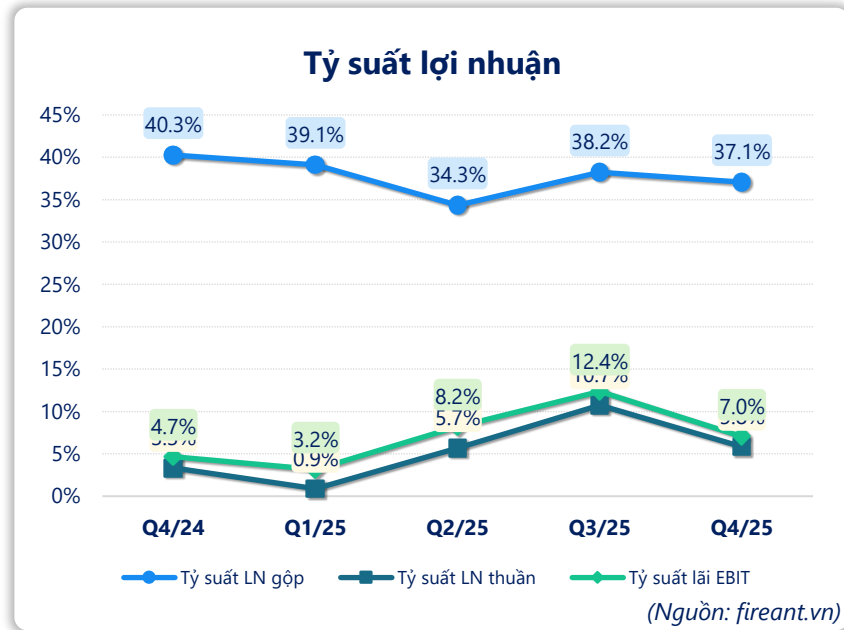
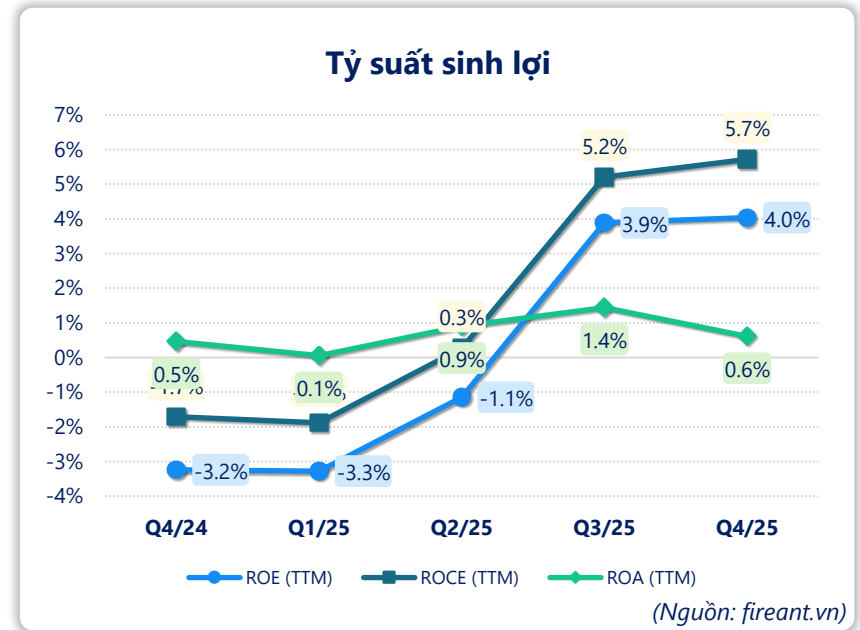
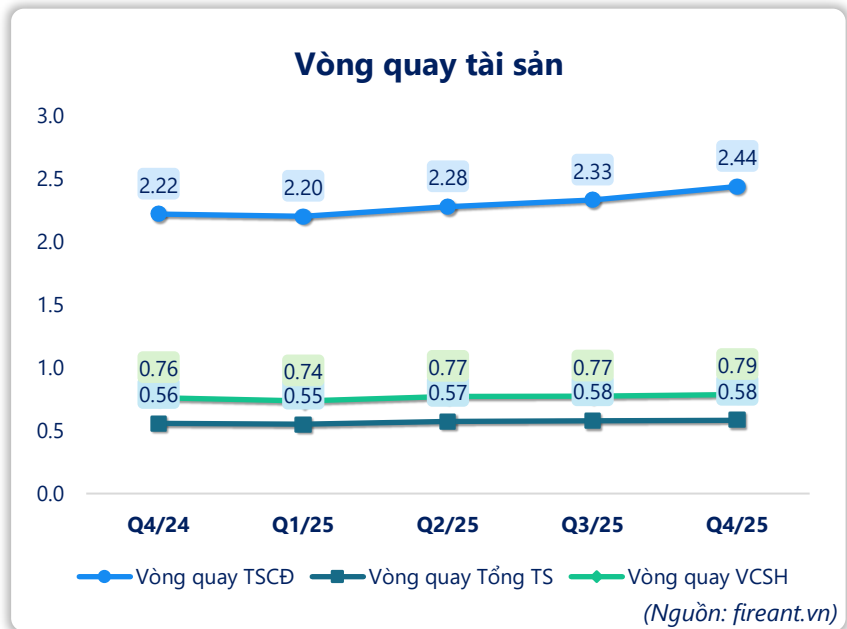
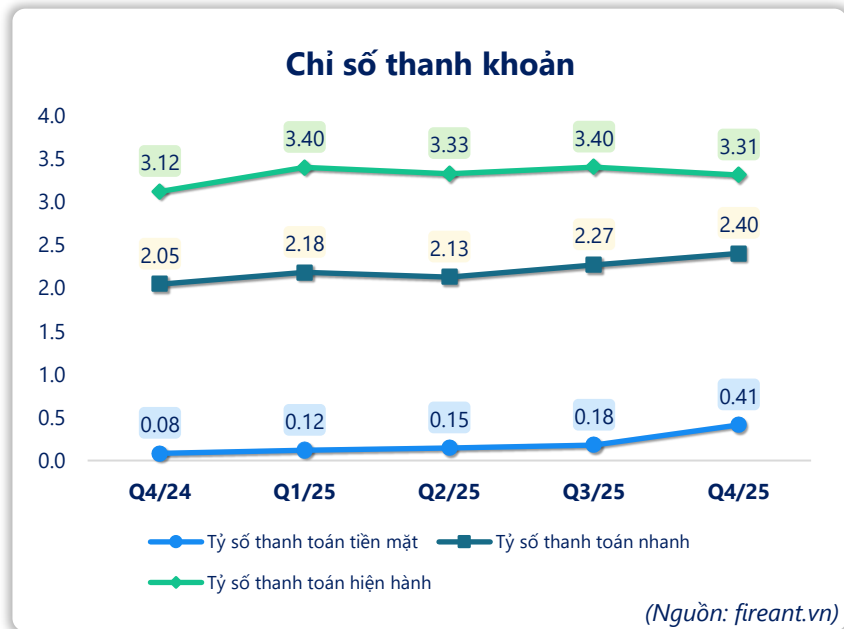
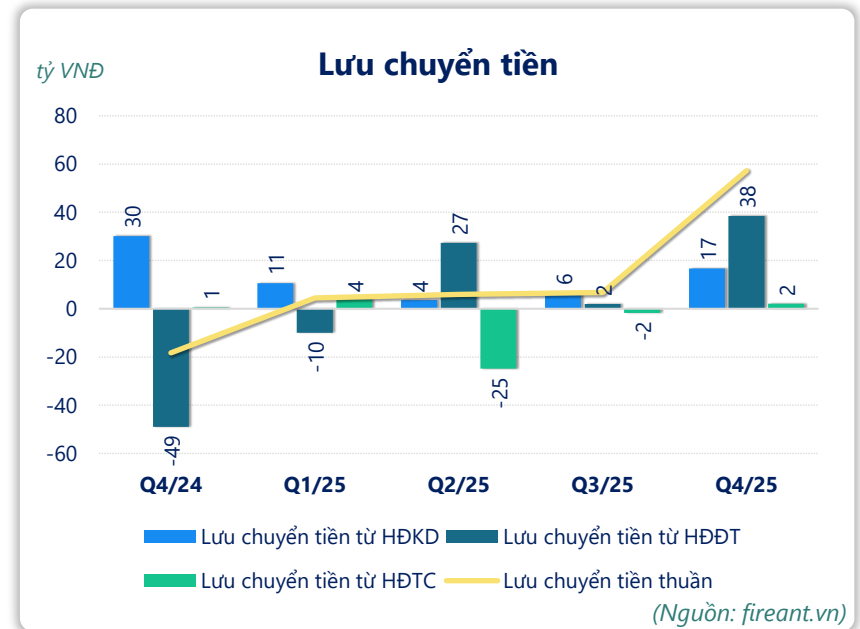


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,887
SL cổ phiếu LH		41,979,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)		33,890
% sở hữu nước ngoài		67.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		447
P/E		11.6
EPS		918

	YTD	1T	3T	6T
EVE	7.6%	-4.9%	-4.1%	-1.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,296	1,284	0.9%
Tài sản ngắn hạn	764	741	3.2%
Tiền và tương đương tiền	95.3	19.5	389%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	290	299	-3.0%
Phải thu ngắn hạn	156	155	1.1%
Hàng tồn kho	210	253	-17.2%
Tài sản ngắn hạn khác	12.9	14.2	-9.6%
Tài sản dài hạn	531	543	-2.2%
Phải thu dài hạn	8.71	2.86	204%
Tài sản cố định	299	315	-5.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	72.8	64.6	12.6%
Tài sản dài hạn khác	151	161	-6.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	333	336	-0.7%
Nợ ngắn hạn	231	233	-0.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	145	145	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.3	42.7	-31.4%
Nợ dài hạn	103	103	-0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.8	80.8	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	962	948	1.4%
Vốn chủ sở hữu	962	948	1.4%
Vốn điều lệ	420	420	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	197	143	189	206	213
Giá vốn hàng bán	117	87.2	124	127	134
Lợi nhuận gộp	79.1	56.0	64.8	78.7	78.9
Doanh thu HĐTC	6.52	6.70	6.94	6.46	6.54
Chi phí TC	4.02	4.31	5.12	3.41	3.72
Chi phí lãi vay	2.84	2.87	3.26	2.86	2.95
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	52.7	35.8	34.2	37.0	46.6
Chi phí QLDN	22.4	21.4	21.7	22.6	22.7
LN thuần từ HĐKD	6.57	1.27	10.7	22.1	12.4
Lợi nhuận khác	-0.23	0.39	1.54	0.48	-0.40
LN trước thuế	6.34	1.66	12.3	22.6	12.0
Lợi nhuận sau thuế	6.44	1.09	11.9	18.5	7.97
LNST của CĐ cty mẹ	6.21	0.72	11.6	18.3	7.90

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.1	10.6	3.58	6.47	16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-48.9	-9.96	27.3	2.02	38.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.54	3.84	-24.9	-1.73	2.06
Tiền đầu kỳ	38.3	19.5	25.2	31.7	39.0
Lưu chuyển tiền thuần	-18.3	4.52	6.00	6.76	57.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.35	1.15	0.52	0.57	-0.98
Tiền cuối kỳ	19.6	25.2	31.7	39.0	95.3

(Nguồn: fireant.vn)